

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016



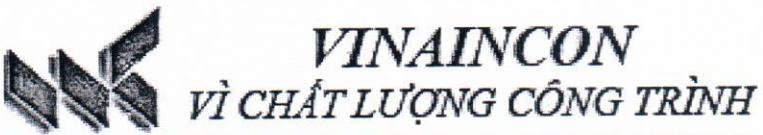
VINA INCON
vì CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin tổng quan	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị	4
4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	4
4.2. Chức năng nhiệm vụ	6
4.3. Công ty con, công ty liên kết	6
5. Định hướng phát triển.....	8
6. Rủi ro	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016	10
1. Tình hình sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo.....	10
2.2. Chính sách đối với người lao động.....	11
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	12
4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2016)	12
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.	13
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:	14
2. Tình hình tài chính (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty).....	15
2.1. Tình hình tài sản	15
2.2. Tình hình Nợ phải trả	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	16
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017	17
4.1. Kế hoạch năm 2017 toàn Tổng công ty	17
4.2. Kế hoạch năm 2017 tại Công ty mẹ.....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	17
1. Hội đồng quản trị.....	17
2. Ban Kiểm soát	22
3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	23
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23
1. Ý kiến kiểm toán:	23
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	23

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổng quan

Tên công ty	Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Tên tiếng Anh	Viet Nam Industrial Construction Corporation
Tên viết tắt	Vinaincon
Trụ sở	Tòa nhà Vinaincon, số 5, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04.35142145
Fax	04.38560629
Website	http://www.vinaincon.vn
Vốn điều lệ đăng ký	550.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	550.000.000.000 đồng
Logo	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số : 0100779365 do: Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/6/2011

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
Ngày 22 tháng 9 năm 1998	Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam được thành lập theo theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở hợp nhất các đơn vị xây lắp thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam, Tổng công ty Thép Việt Nam và các Công ty xây dựng chuyên ngành thuộc ngành Công nghiệp Việt Nam.
Giai đoạn 1998 – 2003	Đây là thời kỳ Tổng công ty mới được thành lập, tập trung hoàn thiện bộ máy, tập hợp lực lượng để ổn định tổ chức và tạo dựng thương hiệu trên thị trường. Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng toàn Tổng công ty tăng từ 1.860 tỷ đồng năm 1998 đến 4.686 tỷ đồng năm 2003, doanh thu tăng từ 1.485 tỷ đồng năm 1998 lên 4.063 tỷ đồng năm 2003
Giai đoạn 2003 – 2008	Đây là thời kỳ có nhiều dấu ấn quan trọng của Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam. Trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị tham gia thi công nhiều công trình lớn, trọng điểm quốc gia của ngành, đáng kể như:

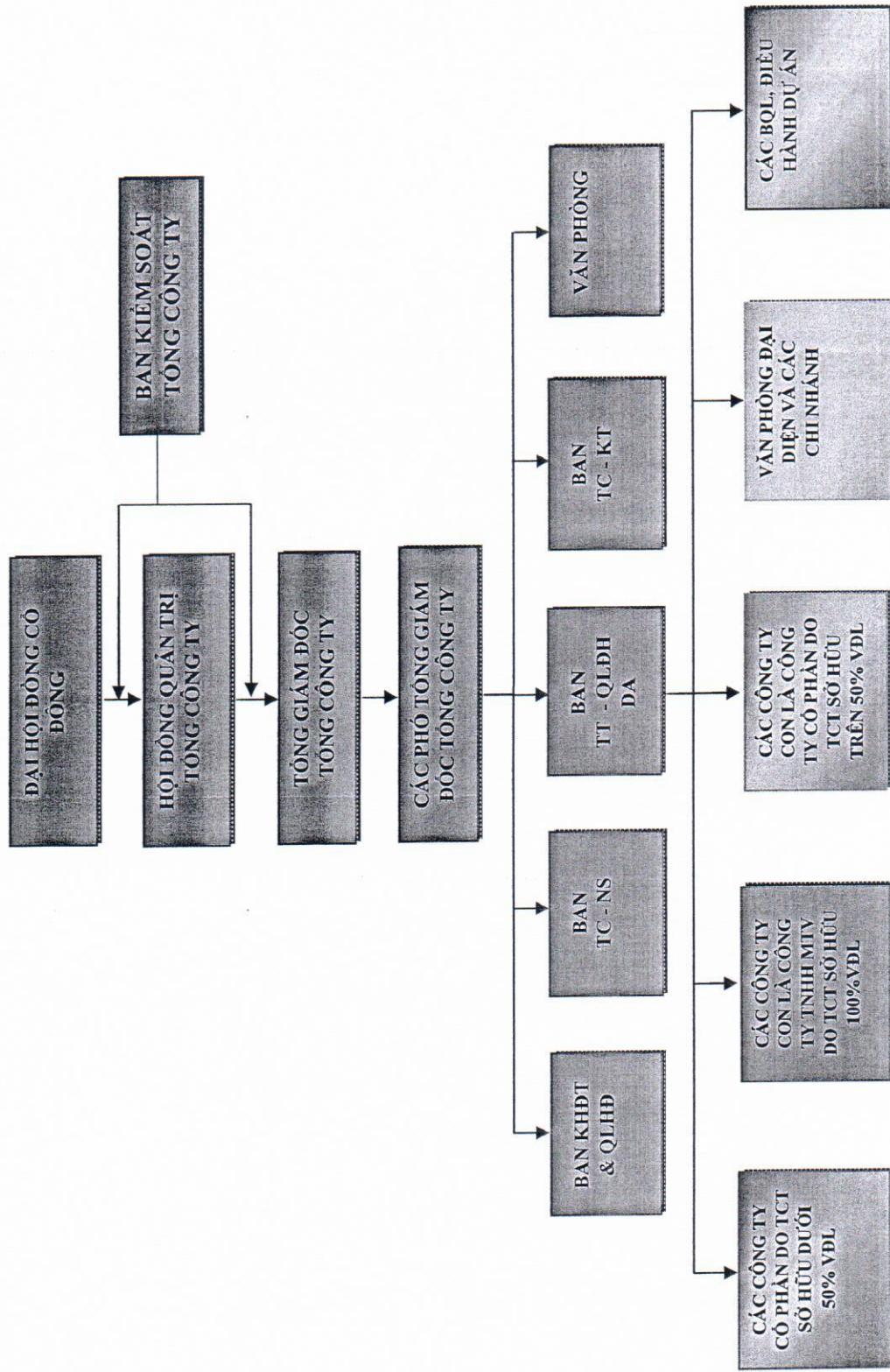
	<p>Hoàn thành hệ thống đường dây và trạm 500kV Nam - Bắc mạch 2 cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm 110kV, 220kV trải khắp chiều dài đất nước; Triển khai xây dựng Nhà máy Xi măng Thái Nguyên – công trình trọng điểm nhóm A đầu tiên do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Tổng công ty đã tách một số đơn vị để cổ phần hóa không chi phối.</p> <p>Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng năm 2008 đạt 3.663 tỷ đồng, doanh thu đạt 3.290 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 65,8 tỷ đồng</p>
Giai đoạn 2008 - nay	<p>Đây là giai đoạn Tổng công ty hoạt động trong môi trường kinh tế trong nước có nhiều biến động, khó khăn về thị trường, việc làm, nguồn tín dụng thắt chặt... Tổng công ty vừa phải tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống người lao động, vừa phải hoàn thành công tác cổ phần hóa toàn Tổng công ty, đồng thời tiếp tục phát triển thị trường, cơ cấu lại hoạt động của các đơn vị theo hướng nâng cao hiệu quả.</p> <p>Một số sự kiện tiêu biểu trong giai đoạn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 29/12/2009: Chính thức khánh thành Nhà máy xi măng Thái Nguyên với dòng sản phẩm Xi măng Quang Sơn đã được thị trường đón nhận. - Ngày 0/06/2011: Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, đây là một quyết tâm, nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng công ty.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành điện, xây dựng hệ thống lưới điện cao áp đến 500kV thi công silo, ống khói, nhà cao tầng bằng phương pháp cốt pha trượt;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị, hệ thống ống, hệ thống điện của các nhà máy công nghiệp nặng như các dự án nguồn điện, hóa chất, cơ khí luyện kim, khai thác dầu mỏ...
- Gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị cơ khí phi tiêu chuẩn cho nhiều ngành công nghiệp, kết cấu thép; thi công bê tông ứng lực căng sau, sản xuất cấu kiện bê tông ứng lực trước.
- Xây dựng chuyên dụng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

4. Mô hình quản trị

4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



4.2. Chức năng nhiệm vụ

• Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, trực tiếp bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty.

• Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

- Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;

- Các phạm vi khác quy định tại Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty.

• Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

• Ban Điều hành Công ty.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 5 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

• Các phòng – ban chức năng: thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

4.3. Công ty con, công ty liên kết

Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6 quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Tổ 5, thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	Lầu 5, Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa	Đường Phạm Liêu, Phường Thọ	100%

chất Hà Bắc	Xương, Bắc Giang	
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	100%
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Tầng 4, Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	52,15%
Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất	Thôn Ngô Yến, xã An Hồng, Huyện An Dương, Hải Phòng	71,42%
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	356A Xa lộ Hà Nội, Phước Long A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	51%
Công ty CP XNK thương mại hợp tác nhân lực quốc tế VN	156 Xã Đàm 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	51%
Công ty CP đầu tư xây dựng số 5	Lầu 6, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%
Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Vinaincon	Lầu 7, Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51%
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang	50,69%
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Vinaincon 6	Lầu 2, 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP kết cấu thép xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Lầu 3, Số 5 Phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,7%
Công ty CP cơ khí Hồng Nam	Phường Linh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Công nghiệp	158 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Hà Nội	36%
Công ty CP khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	25%
Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20%

Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Lầu 4, Số 5 Phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%
Công ty CP Xây lắp thương mại Công nghiệp Thăng Long	Tầng KTM nhà CT1 khu Nàng Hương, Phường Văn Quán, Hà Đông	18%
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên	8,45%
Công ty CP Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	22 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	11,03%
Công ty CP Tư vấn thiết kế công nghiệp dân dụng	146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	7,48%
Công ty CP Xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	2,77%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Tổ 4, Phường Phố Cò, Thị xã Sông Công, Thái Nguyên	18,99%
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	0,46%

5. Định hướng phát triển

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu của VINAINCON, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn VINAINCON, nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và nước ngoài, khẳng định thương hiệu VINAINCON với vai trò xây dựng cơ sở hạ tầng ngành điện và các công trình công nghiệp của Việt Nam và vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

- Xây dựng VINAINCON trở thành một Tổng công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính đã chọn, VINAINCON sẽ sắp xếp các đơn vị thành viên và phân công chuyên môn hóa, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra thế cạnh tranh.

Một số định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

- Mua sắm máy móc thiết bị: Đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho xây dựng, sản xuất
- Tập trung nâng cao năng lực thi công các dự án xây dựng của các nhóm dự án và của các nhân viên trong công ty, tạo thành một tập thể với nhân sự giàu khả năng, kinh nghiệm và có sức cạnh tranh cao.
- Mở rộng thêm đối tượng xây dựng: Bên cạnh xây dựng các dự án trong điểm của Nhà nước, VINAINCON mở rộng ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các công trình có vốn vay ODA, xây dựng các nhà máy công nghệ cao cho các doanh nghiệp FDI.
- Tham gia chương trình nội địa hóa chế tạo cơ khí của Chính phủ tại các Dự án lớn trong ngành công nghiệp.

6. Rủi ro

- Rủi ro về kinh tế:

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp, xây dựng cơ bản có sự gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Do đó, triển vọng tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế sẽ hứa hẹn mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VINAINCON. Và ngược lại, khi có sự thay đổi theo chiều hướng xấu đi, nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, giảm phát sẽ có tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VINAINCON.

- Rủi ro về luật pháp:

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp (trong đó có các quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng, hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng,...) sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Với VINAINCON, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, nên cũng gấp trở ngại nhất định, tuy nhiên với năng lực của bộ máy lãnh đạo, Tổng công ty đã thích ứng nhanh chóng với sự chuyển đổi này.

- Rủi ro hoạt động kinh doanh:

- Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán. Rủi ro phát sinh sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Rủi ro của VINAINCON có thể phát sinh nợ đọng từ các chủ đầu tư, do các công trình phải thanh toán với các chủ đầu tư thường mất thời gian do thủ tục thanh toán phải được duyệt qua nhiều khâu. Nếu có phát sinh trả ngại, vướng mắc, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty.

- VINAINCON đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty

ĐVT: Triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	6,277.174	5,858.955	-6.66
	Giá vốn hàng bán	5,635,701	4,760,786	-15.52
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(346,331)	506,864	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Lợi nhuận từ SXKD	110,480	137,779	24.71
	- Lãi/Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	(456,811)	369,085	
	Cố tức	-	-	
	Nộp NSNN	198,271	184,404	-6.99

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Trần Đức Y	Ủy viên HĐQT	
5	Bà Trần Thị Minh	Ủy viên HĐQT	

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Ông Đặng Quang Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng giám đốc	
2	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Hoàng Thế Hiển	Kế toán trưởng	

2.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

Tổng công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như cam kết với người lao động đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động. Người lao động trong Tổng công ty đều có hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn và hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Tổng công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Chính sách lương, thưởng:

Tiền lương và tiền thưởng được trả cho người lao động theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty, dựa trên cơ sở đánh giá công việc đảm nhận và hiệu quả đạt được của từng chức danh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương được xây dựng đúng luật nhưng vẫn đảm bảo tính công bằng và khả năng khuyến khích đóng góp của các cá nhân và tập thể có trình độ chuyên môn, tay nghề cao.

Chính sách trợ cấp:

Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc trong Tổng công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác nhau như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hỉ, ốm đau, hoàn cảnh khó khăn,... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó với Tổng công ty nơi người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm 2016 là: 8.398 người

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Đến 31/12/2016, giá trị đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 544.669 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Đầu tư vào Công ty con: 461.523 triệu đồng.
- Đầu tư vào công ty liên kết: 83.146 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2016)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	6.774.311	6.552.355	-3,28
Doanh thu thuần	6.087.073	5.115.586	-15,96
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác	28.072	87.562	211,92
Lợi nhuận trước thuế	(316.191)	538.278	
Lợi nhuận sau thuế	(346.330)	506.864	
<i>Trong đó:</i>			
- Lợi nhuận từ SXKD	110.481	137.779	24,71
- Lãi/Lỗ Công ty TNHH MTV XMQS	(456.811)	369.085	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn ($=TSNH/Nợ NH$)	Lần	1,08	1,11
- Hệ số thanh toán nhanh ($=(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH$)	Lần	0,75	0,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	1,05	0,99
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho ($=GVHB/HTK BQ$)	Lần	5,79	5,41
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,90	0,78
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (tính từ LNST từ hoạt động SXKD)			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,82	2,69
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1,63	2,10
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 55.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 55.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	1.958	55.000.000	550.000.000.000	100
1	Tổ chức	19	47.518.500	475.185.000.000	86,40
2	Cá nhân	1.939	7.481.500	74.815.000.000	13,60
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng Cộng	1.958	55.000.000	550.000.000.000	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
1	Bộ Công Thương	54 Hai Bà Trưng - Hà Nội	45.512.500	455.125.000.000	82,75

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.

- Nguồn nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng, cát đá... mua đáp ứng được chủng loại, chất lượng sản phẩm, rõ nguồn gốc xuất sứ, nguyên liệu vật liệu mua về được nhập kho, xuất kho, cuối kỳ được kiểm kê theo quy định, vật tư thừa được nhập lại kho và tái sử dụng một phần.

- Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là xăng dầu, điện nước, than (đối với sản xuất xi măng), các nguồn năng lượng trên được sử dụng tiết kiệm để giảm chi phí.

- Tiêu thụ nước: Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm được lấy từ hệ thống sông ngòi và được qua xử lý (nếu có). Riêng nguồn nước cho sinh hoạt của người lao động được mua từ các Công ty cung cấp nước sạch.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tổng công ty tuân thủ đúng pháp luật về bảo vệ môi trường, không bị xử phạt do vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Chính sách liên quan đến người lao động: Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty, người lao động tại các công trình vùng khó khăn được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, chế độ ưu đãi.

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2016 là: 7,384 triệu đồng/ tháng
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Sử dụng nguồn lực lao động là người địa phương, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với địa phương, hưởng ứng tham gia và ủng hộ các chương trình phúc lợi, an sinh xã hội của địa phương.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

- Số liệu toàn Tổng công ty:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NQ2016	TH2016	%TH/NQ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	4.800.000	5.858.955	122
	<i>Trong đó:</i>			
	- Từ hoạt động SXKD	3.903.248	4.464.574	114
	- Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	896.752	1.401.888	156
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	(196.540)	506.864	
	<i>Trong đó:</i>			
	- LNST từ hoạt động SXKD	86.220	137.779	160
	- Lãi/Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	(282.760)	369.085	
3	Lao động huy động bình quân (người)	8.877	6.539	95
4	Tổng quỹ lương thực hiện	770.230	631.406	82
	Trong đó, Quỹ lương quản lý tại Cơ quan Công ty mẹ (không bao gồm quỹ lương các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quỹ lương của cán bộ Ban QLĐH dự án Tổng công ty), bao gồm cả Quỹ lương của Cán bộ quản lý chuyên trách.	16.000	16.000	100
5	Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	7.230.000	8.047.000	111

- Số liệu Công ty mẹ:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NQ2016	TH2016	%TH/NQ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	710.000	619.515	87
2	Lợi nhuận sau thuế (chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn)	54.000	56.374	104
	<i>Trong đó</i>			
	- LNST từ SXKD Công ty mẹ	16.000	12.350	77

	- Thu cổ tức các Công ty cổ phần	16.000	20.024	125
	- Thu LNST các Công ty TNHH MTV	22.000	24.000	109
3	LNST sau khi trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	24.000	26.374	110

Đánh giá về kết quả kinh doanh 2016:

+ Năm 2016 Tổng công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu. Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 5.858 tỷ đồng tăng 22% so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đã đề ra. Bên cạnh đó lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty đạt 506 tỷ đồng (lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 137 tỷ, lãi Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn đạt 369 tỷ đồng). Đạt được thành quả này là do Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn được Chính phủ hỗ trợ và cho xóa lãi vay phát sinh tại Ngân hàng Phát triển trong thời kỳ 2011 – 2016 và xóa lãi quá hạn của khoản vay từ Bộ Tài Chính. Vì vậy lợi nhuận năm 2016 của Tổng công ty đã có lãi để bù lỗ lũy kế trong những năm trước.

+ Đối với Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD năm 2016 là 26.374 triệu đồng/kế hoạch là 24.000 triệu đồng, tăng 10% so với kế hoạch. Lợi nhuận trên đã bao gồm khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Cty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là 30.000 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty)

2.1. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	3,001,699	3,134,783	(133,084)	-4.25
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	628,736	795,580	(166,844)	-20.97
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	111,206	13,286	97,920	736.99
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1,361,754	1,328,666	33,088	2.49
IV. Hàng tồn kho	880,505	973,830	(93,325)	-9.58
V. Tài sản ngắn hạn khác	19,498	23,420	(3,923)	-16.75
B. Tài sản dài hạn	3,550,656	3,639,528	(88,872)	-2.44
I. Các khoản phải thu dài hạn	10,070	5,434	4,636	85.32
II. Tài sản cố định	3,117,680	3,306,764	(189,084)	-5.72

III. Bất động sản đầu tư	1,000	-	1,000	
IV. Tài sản chờ dang dài hạn	39,969	32,718	7,251	22.16
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	236,123	111,408	124,715	111.94
VI. Tài sản dài hạn khác	145,814	183,204	(37,390)	-20.41
Tổng cộng tài sản	6,552,355	6,774,311	(221,956)	-3.28

2.2. Tình hình Nợ phải trả

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	2,703,871	2,895,714	(191,843)	-6.63
1. Phải trả cho người bán	1,045,340	1,074,366	(29,026)	-2.70
2. Người mua trả tiền trước	282,742	421,206	(138,464)	-32.87
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	129,900	110,921	18,979	17.11
4. Phải trả người lao động	116,419	155,569	(39,150)	-25.17
5. Chi phí phải trả	323,902	420,858	(96,956)	-23.04
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4,646	1,114	3,532	317.06
9. Phải trả ngắn hạn khác	213,931	248,573	(34,642)	-13.94
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	512,293	400,205	112,088	28.01
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	58,601	49,550	9,051	18.27
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,096	13,352	2,744	20.55
II. Nợ dài hạn	3,754,626	4,226,777	(472,151)	-11.17

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong thời gian vừa qua, Tổng công ty đã đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục và hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức quản lý và năng lực sản xuất, thi công của một số đơn vị làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế việc khắc phục hiệu quả kinh doanh yếu kém của một số đơn vị vẫn chưa đạt được như mong muốn. Đây cũng là một trong những vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

4.1. Kế hoạch năm 2017 toàn Tổng công ty

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH2017
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.990.000
	Trong đó:	
	- Từ hoạt động SXKD	3.158.255
	- Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	831.745
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	(112.763)
	Trong đó:	
	- LNST từ hoạt động SXKD	86.752
	- Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	(199.515)
3	Lao động huy động bình quân (người)	6.560
4	Tổng quỹ lương thực hiện	591.810
	Trong đó, Quỹ lương quản lý tại Cơ quan Công ty mẹ (không bao gồm quỹ lương các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quỹ lương của cán bộ Ban QLĐH dự án Tổng công ty), bao gồm cả Quỹ lương của Cán bộ quản lý chuyên trách	16.000
5	Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	7.517.912

4.2 Kế hoạch năm 2017 tại Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH2017
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	500.000
2	Lợi nhuận sau thuế (chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn)	36.000
3	LNST sau khi trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	16.000

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Gia Du - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Chủ tịch HĐQT	72.700 11.962.500	0,13 21,75
2	Nguyễn Thế Thành - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Phó Chủ tịch HĐQT	62.800 11.000.000	0,11 20
3	Hoàng Chí Cường - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Ủy viên HĐQT	102.400 11.550.000	0,19 21
4	Trần Đức Y - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Ủy viên HĐQT	20.000 11.000.000	0,04 20
5	Trần Thị Minh - Cá nhân	Ủy viên HĐQT	123.700	0,22

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2016, hoạt động của Hội đồng quản trị đã bám sát nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tổng công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Trong năm HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trên tinh thần tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp và lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong thời gian nhanh nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý các đơn vị có vốn góp.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và chỉ đạo xây dựng, cập nhật và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

TT	Số NQ	Ngày, tháng	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	11/01/2016	Cấp vốn kinh doanh cho Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị
2	02/NQ-HĐQT	22/01/2016	Về việc tách Chi nhánh 6 - PCC2 để góp vốn thành lập Công ty CP Xây lắp Miền Nam
3	03/NQ-HĐQT	22/01/2016	Phương án đầu tư di dời cơ sở sản xuất và phương án hợp tác đầu tư của Công ty CP BTTLT Thủ Đức
4	04/NQ-HĐQT	3/02/2016	Thay đổi người đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4 tại Công ty cổ phần Xây lắp Điện 4 – Đông Anh

5	05/NQ-HĐQT	16/02/2016	Hệ thống thang lương, bảng lương Tổng công ty
6	06/NQ-HĐQT	23/02/2016	Về việc nghỉ hưu đối với ông Nguyễn Văn Thuấn - Chủ tịch PCC2
7	07/NQ-HĐQT	23/02/2016	Cử người đại diện vốn PCC2 tại Công ty CP Xây lắp Điện miền Nam
8	08/NQ-HĐQT	28/03/2016	Tạm thu hồi con dấu của Chi nhánh Tư vấn Thiết kế và Xây dựng
9	09/NQ-HĐQT	28/03/2016	Đề cử nhân sự chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2
10	10/NQ-HĐQT	29/03/2016	Thay đổi cơ cấu vốn khi thực hiện tách Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4 – Nhà máy Cơ khí mạ, thành lập Công ty cổ phần Cơ khí – Thương mại Xây lắp Điện 4
11	11/NQ-HĐQT	5/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang
12	12/NQ-HĐQT	8/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Đầu tư XD số 5
13	13/NQ-HĐQT	7/04/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực quốc tế Việt nam
14	14/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần kết cấu thép xây dựng.
15	15/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Xây lắp và sản xuất công nghiệp.
16	16/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần ICIC
17	17/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần BT LT Thủ Đức
18	18/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Cơ khí Hồng Nam
19	19/NQ-HĐQT	19/4/2016	Các nội dung cần thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Cơ

			khí xây lắp hóa chất
20	20/NQ-HĐQT	25/05/2016	Thông qua kế hoạch giao các đơn vị năm 2016
21	21/NQ-HĐQT	25/05/2016	Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của VINAINCON
22	22/NQ-HĐQT	25/05/2016	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 Tổng công ty
23	23/NQ-HĐQT	23/05/2016	Điều chỉnh mô hình quản trị và nhân sự lãnh đạo tại Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa Chất
24	24/NQ-HĐQT	25/05/2016	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật công trình: Cải tạo trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV XL Điện 4
25	25/NQ-HĐQT	3/6/2016	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của PCC2 và PCC4
26	26/NQ-HĐQT	15/6/2016	Về việc tách Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4.4, thành lập Công ty cổ phần Xây lắp Điện 4 – Miền trung
27	27/NQ-HĐQT	16/6/2016	Bầu các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty
28	28/NQ-HĐQT	16/6/2016	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Vinaincon nhiệm kỳ 2016 - 2021
29	29/NQ-HĐQT	15/06/2016	Quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh 6 thuộc Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2
30	02/2016/NQ-ĐHĐCD	4/7/2016	Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
31	30/NQ-HĐQT	01/07/2016	Tạm dừng hoạt động của Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Vật tư Kỹ thuật thuộc Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
32	31/NQ-HĐQT	4/7/2016	Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Hóa chất
33	32/NQ-HĐQT	13/7/2016	Đơn giá tiền lương năm 2016 của các công ty cổ phần do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ
34	33/NQ-HĐQT	4/8/2016	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài

			chính năm 2016
35	34/NQ-HĐQT	30/8/2016	Về việc cán bộ đến thời điểm nghỉ để hưởng chế độ hưu trí
36	35/NQ-HĐQT	26/8/2016	Về việc đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ
37	36/NQ-HĐQT	30/9/2016	Về việc đăng ký lưu ký tập trung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom
38	37/NQ-HĐQT	22/9/2016	Về việc đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ
39	38/NQ-HĐQT	28/9/2016	Về việc phê duyệt điều chỉnh phương án triển khai đầu tư Khu Thương mại – Dịch vụ tại Xa lộ Hà Nội, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2
40	38,40/NQ-HĐQT	30/9/2016	Điều chỉnh nhân sự tại Văn phòng đại diện miền nam, Chi nhánh Miền Nam và Chi nhánh Campuchia; Điều chỉnh xếp lương cho Bà Minh và Ông Thành
41	40-1/NQ-HĐQT	8/10/2016	Về việc tách Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho tổ chức Công đoàn của Tổng công ty
42	41/NQ-HĐQT	4/11/2016	Về việc nâng lương cán bộ
43	42/NQ-HĐQT	4/11/2016	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ
44	43/NQ-HĐQT	17/11/2016	Về việc phê duyệt phương án triển khai đầu tư khu Thương mại – Dịch vụ tại 356A Xa lộ Hà Nội
45	44/NQ-HĐQT	21/11/2016	Về việc bổ nhiệm cán bộ
46	45/NQ-HĐQT	9/12/2016	Về việc đề nghị tặng Cờ thi đua năm 2016 cho các đơn vị
47	46/NQ-HĐQT	7/12/2016	V/v vướng mắc trong quá trình thực hiện văn bản số 2338/VPCP-ĐMDN của Văn phòng Chính phủ
48	47/NQ-HĐQT	19/12/2016	về việc đổi tên Văn phòng Đại diện của Tổng công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
49	48/NQ-HĐQT	27/12/2016	Về việc đề nghị khen thưởng Bằng khen Bộ Công Thương và các danh hiệu cấp Tổng công ty năm 2016 (Đợt 2)
50	49/NQ-HĐQT	30/12/2016	Điều chỉnh số lượng và đại diện phần vốn tại CCIM; Bổ nhiệm trưởng ban TCNS TCTy; - Điều chỉnh lãnh đạo VINAINCON 6;- Ban hành quy

			chế Tổ chức và hoạt động của KSV TCTy; - Thông qua một số giải pháp liên quan đến hoạt động của Xi măng Quang Sơn.
51	50/NQ-HĐQT	30/12/2016	Ban hành Quy chế hoạt động của KSV tại các công ty TNHH MTV và các công ty có vốn góp chi phối của VINAINCON
52	51/NQ-HĐQT	31/12/2016	Về việc đơn giá tiền lương các đơn vị thành viên năm 2016

c. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

Trong bối cảnh năm 2016 nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn, hàng loạt các Công ty trong Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như: sụt giảm về số lượng cũng như giá trị hợp đồng ký kết, tồn đọng vốn do các chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn hoặc dẫn đến độ giải ngân, khó tiếp cận với nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng nên kết quả đạt được không như mong đợi, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh sụt giảm, việc làm và thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và Cơ quan điều hành đã chủ động nỗ lực làm việc, linh hoạt, kịp thời trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng trong việc giữ vững thị trường, đảm bảo nguồn việc trong điều kiện khó khăn, áp lực nguồn vốn dồn về Tổng công ty nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty năm 2016 vẫn duy trì ổn định và phát triển. Hệ thống các đơn vị của VINAINCON ngày càng có mối quan hệ chặt chẽ hơn, phối hợp, hỗ trợ nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chia sẻ kinh nghiệm, phương thức quản lý.

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cô phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban	34.200	0,06
2	Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	17.000	0,03
3	Đặng Quang Cường	Thành viên	0	0

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty:

+ Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được lành mạnh và minh bạch.

+ Định kỳ 6 tháng, cuối năm Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, ...

3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Thù lao: Thù lao cho HĐQT và BKS Tổng công ty năm 2016: 72 triệu đồng.

Trong đó:

- 02 Thành viên HĐQT	x 2 tr.đ/ng/th x 12 tháng	= 48 tr.đ
- 01 Thành viên BKS	x 1 tr.đ/ng/th x 12 tháng	= 12 tr.đ
- Thủ ký Tổng công ty	x 1 tr.đ/ng/th x 12 tháng	= 12 tr.đ

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến của của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính năm 2016 được đăng tải trên website của Tổng công ty: <http://www.vinaincon.com.vn>

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 và Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty mẹ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam đã được gửi cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và đăng tải trên website của Tổng công ty: <http://www.vinaincon.com.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY



Hoàng Chí Cường

C.T.C.P
H&B